

TRƯƠNG ĐĂNG QUẾ VỚI CÔNG CUỘC ĐẠC ĐIỀN Ở NAM KỲ NĂM 1836

LÊ THỊ HUYỀN*

Tóm tắt: Công cuộc đạc điền ở Nam Kỳ (1836) là một trong những bước ngoặt quan trọng công tác quản lý đất đai, điều hành đất nước dưới triều Nguyễn, đã có tác động tới tình hình kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, an ninh, quốc phòng ở Nam Kỳ nói riêng và cả nước nói chung. Vua Minh Mệnh đã quyết tâm thực hiện công cuộc đạc điền, với mong muốn là đem lại lợi ích cho nhân dân, quốc gia, dân tộc. Theo đó, Trương Đăng Quế có vai trò quan trọng trong việc thực hiện công cuộc đạc điền ở Nam Kỳ 1836.

Từ khoá: Trương Đăng Quế, đạc điền, Nam Kỳ

Abstract: The 1836 land survey in Southern Vietnam (đạc điền Nam Kỳ) marked an important turning point in land management and governance under the Nguyễn Dynasty, with significant economic, political, cultural, social, and security implications for both the southern region and the entire country. Emperor Minh Mệnh was determined to carry out the survey with the aspiration of bringing benefits to the people and to the nation. This article presents the role of Trương Đăng Quế in the implementation of the 1836 land survey in Southern Vietnam.

Keyword: Trương Đăng Quế, The land survey, Southern Vietnam

Ngày nhận bài: 15/5/2025; Ngày duyệt đăng: 10/11/2025

1. Vài nét về thân thế và sự nghiệp của Trương Đăng Quế

Trương Đăng Quế sinh ngày 1 tháng 11 năm 1793, tại làng Mỹ Khê, huyện Bình Sơn, Quảng Ngãi, tự Diên Phương, hiệu Đoan Trai, biệt hiệu là Quảng Khê. Tổ tiên của Trương Đăng Quế ở Phước Long, Thạch Hà, Hà Tĩnh, từ đầu thế kỉ XVII (1619) đã di cư vào sinh sống tại làng Mỹ Khê Tây, huyện Bình Sơn, Quảng Ngãi (1). Sinh ra trong một gia đình và dòng họ có nhiều người đỗ đạt, làm quan dưới thời chúa Nguyễn và Tây Sơn nên Trương Đăng Quế được cảm thụ và hun đúc tinh thần hiếu học, lễ nghĩa, sự thâm sâu uyên bác từ đó. Cha của ông là Trương Đăng Phúc, làm Tri phủ dưới triều Tây Sơn, mẹ là Đỗ Thị Thiết.

Trương Đăng Quế tham dự kỳ thi Hương ở Quảng Nam và thi đỗ Hương tiến (cử nhân) vào 1819, là người đỗ khai khoa ở Quảng Ngãi. Năm 1820, ông được triệu ra Kinh thành Huế và được bổ chức Hành tẩu ở bộ Lễ. Sau đó ông được Nguyễn Hữu

Thận chọn làm trực học cho các hoàng tử (2). Sự nghiệp của Trương Đăng Quế bắt đầu phát triển từ đây, dưới 3 triều đại Minh Mệnh, Thiệu Trị, Tự Đức, ông giữ chức Thượng thư và kiêm nhiệm, phụ trách nhiều chính sự quan trọng của triều chính và đất nước như: Kinh lược Nam Kỳ, chủ khảo Quốc Tử Giám, Tổng tài của các bộ sử lớn như *Đại Nam thực lục tiền biên*, *Minh Mệnh chính yếu*, *Đại Nam liệt truyện tiền biên*, *Hoàng Việt hội điển tiết yếu*, *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*... Ông có công đóng góp trong công cuộc xây dựng, bình định và phát triển đất nước trong giai đoạn nửa đầu thế kỷ XIX, trong đó có công cuộc đạc điền ở Nam Kỳ năm 1836.

2. Trương Đăng Quế với công cuộc đạc điền ở Nam Kỳ năm 1836

2.1. Quan điểm, chủ trương của triều Minh Mệnh về công cuộc đạc điền

Dưới thời chúa Nguyễn và triều Nguyễn (trước năm 1836), chính quyền trung ương ban hành nhiều chính sách cởi mở nhằm

*NCS. Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, ĐHQG-TP.HCM

khuyến khích khẩn hoang, mở rộng diện tích ở Nam Bộ, lúc đó ai muốn làm ruộng đâu cũng được, chiếm hữu tự do, khai thuế đại khái, không có sổ sách ghi chép cẩn thận (3). Vào nửa đầu thế kỷ XIX, lương thực là vấn đề trọng yếu nhất lúc bấy giờ. Vì vậy, triều Nguyễn đã ban hành những chính sách khuyến nông ở Nam Kỳ, vì Nam Kỳ có nhiều điều kiện thuận lợi với việc trồng lúa. Việc thực hiện các chính sách khuyến nông, không chỉ giải quyết nạn đói cho nhân dân vùng Bắc Kỳ và Trung Kỳ, mà còn mang tầm chiến lược quốc gia, như: đảm bảo an ninh lương thực; khẳng định chủ quyền trên vùng đất mới; đảm bảo nguồn thu thuế cho triều đình; việc khẩn hoang sẽ dần hình thành các đơn vị hành chính ấp, xã, trên cơ sở này xây dựng nền hành chính ở Nam Kỳ, dần tiến đến việc quản lý chính sách thống nhất trên toàn quốc. Chính vì vậy, triều Nguyễn đã ban hành một số chính sách khuyến nông ở Nam Kỳ như: khuyến khích khai khẩn; giám sát mùa màng và quản lý lúa gạo; giảm thuế, hỗ trợ thóc giống, công cụ và lương thực cho người mới đến khai khẩn; quan tâm đến việc đào kênh, điều tiết nước. Triều đình đã ban hành nhiều chính sách khẩn hoang để đẩy mạnh khai phá, tăng diện tích sản xuất. Từ 1802 đến 1855, triều Nguyễn đã liên tiếp ban hành 25 quyết định về khai hoang trong đó có 16 quyết định áp dụng ở Lục tỉnh, 2 quyết định ở Bắc thành và 6 quyết định đối với toàn quốc (4). Chính sách khai phá ruộng đất cõi mở và rộng rãi đối với vùng đất Nam Bộ, đến những năm 30 của thế kỷ XIX, nhà nước vẫn chưa nắm được một cách cụ thể đối với ruộng đất. Thời vua Gia Long và hơn 10 năm đầu thời vua Minh Mệnh, ruộng đất ở Nam Bộ vẫn đánh thuế theo thửa. Hơn nữa, ruộng đất tập trung vào tay địa chủ càng phổ biến, khiến cho người nghèo không có ruộng (5). Thực trạng ruộng đất, có nơi ruộng có một thửa tô thuế nguyên trưng không quá 3-4 hộc, nay đã chia làm 6-7 thửa bán cho người

khác, các người mua ấy phải nộp thóc gấp bội cho chủ nguyên trưng (6), hay những nơi ghi là ruộng, nay thành vườn tược, nhà ở; có chỗ cày cấy thực nhưng không có sổ; có chỗ ở xã khác lại ghi vào bản xã; có chỗ ghi là một thửa nay đến mấy chục thửa; có chỗ gọi là một thửa mà dài rộng quanh co, do đến nửa ngày đường mới hết chỗ cấy thực (7). Vậy nên, mục đích triều Nguyễn quan tâm đến việc đo đạc điền địa toàn Nam Kỳ, quyết tâm thực hiện công cuộc để lập địa bạ từng thôn, xã; thống kê được số dinh, diện tích đất thực tế lãnh trưng. Quan điểm của Minh Mệnh cho rằng việc đạc điền nhằm xác định rõ: làm điều lợi cho nhân dân, làm cho dân nghèo có ruộng đất; Đất đai được rõ ràng, minh bạch từng thửa, từng ruộng và ghi rõ chủ sở hữu; Thống nhất đơn vị đo lường trên toàn quốc là mẫu, sào - chứ không dùng dầy, thửa như ở Nam Kỳ.

2.2. Cách thức triển khai công cuộc đạc điền

Từ chủ trương của triều đình, năm 1836 Minh Mệnh tổ chức việc kinh lý Nam Kỳ, trong đó bổ nhiệm Thượng thư bộ Binh, Cơ mật viện đại thần Trương Đăng Quế và Thượng thư bộ Lại Nguyễn Kim Bảng làm kinh lược đại thần, thự Lễ bộ Hữu thị lang Tôn Thất Bạch và thự Thông chính sứ Nguyễn Đức Trí làm phó sứ (8), phái bộ bắt đầu khởi hành vào ngày 24 tháng 3 năm 1836, do Trương Đăng Quế dẫn đầu, đoàn đi thuyền 6 ngày tới Gia Định. Chuyến kinh lược lần này, nhằm xác định ranh giới ruộng đất, thống nhất đơn vị đo lường trong cả nước, khảo sát mọi việc trong dân hướng đến khuyến khích điều hay mà chỉnh đốn điều tệ lậu. Minh Mệnh dụ rằng: Nay phái kinh lược sứ đi đến sáu tỉnh Nam Kỳ, thay trăm kinh lí, khảo sát, phạm tất cả mọi việc quân, dân hễ điều hại nên bỏ, điều lợi nên làm thì đều chuẩn cho lần lượt tâu lên mà làm. Mà việc ranh giới ruộng đất ngày càng trọng yếu. Xưa nay ruộng

đất đều có ghi rõ mẫu, sào, thước, tấc, đó là phép thường không thay đổi. Các tỉnh trong khắp nước đều như thế cả, có lý nào 6 tỉnh Nam Kỳ lại khác, riêng cho theo nếp cũ hay sao? (9). Có thể thấy, Minh Mệnh đã trao quyền cho đoàn kinh lược thực hiện các nhiệm vụ trọng yếu của đặc điền ở Nam Kỳ. Vì vậy, cách thức, phương pháp đặc điền là điều rất quan trọng để có thể triển khai trên toàn Nam Kỳ trong một thời gian ngắn. Khi đến Nam Kỳ, đoàn kinh lược chia người khảo sát từng khu vực Tôn Thất Bạch và Nguyễn Đức Trí phụ trách đo đạc ở Biên Hoà và Định Tường. Trương Đăng Quế ở lại Gia Định, sau đó sẽ đến Vĩnh Long, An Giang để xem xét trước tình hình, rồi tâu báo. Sau khi khảo sát tình hình thực tế, Trương Đăng Quế tập huấn phương pháp, cách thức đo đạc cho giáo thụ, huấn đạo hiệp và các quan phủ. Sau khi được hướng dẫn, tập huấn, quan địa phương này sẽ trực tiếp thực hiện dưới sự giám sát của các đại thần. Việc hướng dẫn, tập huấn này được Trương Đăng Quế tâu rằng: việc đặc ruộng, nhân dân sở tại ít người biết toán pháp, không khỏi một phen phải tốn công chỉ bảo cho nhiều người tập quen để sẽ lần lượt tiến hành. Thân đã sai giáo thụ, huấn đạo hiệp với các viên phủ huyện cùng làm, ngõ hầu mới xong sớm được (10). Khi khảo sát thực tế tại địa phương, Trương Đăng Quế nhận thấy “Quan lại ở tỉnh cho đến tổng lý không có ai am tường về địa phận đông tây, về phân số mẫu sào và những cách nêu ruộng, ghi nhận, tính, đo! Bọn thần đã phải chỉ bảo hai ba lần cho đến khi họ thông thuộc được cũng là việc rất gian khổ... Cho nên có đo đạc, tất phải kê cứu, nên không tránh khỏi kéo dài” (11). Có thể thấy, công việc đặc điền ở các địa phương phức tạp, khối lượng công việc lớn, phải am tường các phương pháp đo lường, tính toán, đồng thời phải ghi chép một cách rõ ràng, cụ thể mới có thể đảm bảo chính xác, tránh làm ảnh hưởng đến quyền lợi của dân. Tuy nhiên, quá trình thực hiện đặc điền

gặp nhiều khó khăn, trong đó có việc quan tỉnh Định Tường và Gia Định không đồng ý việc đặc điền ở địa phương mà xin tính thuế theo dây, theo thửa như lệ cũ. Tuy nhiên, Trương Đăng Quế đã phản hồi rằng: Việc đặc điền, cốt cho giới hạn rõ ràng, mẫu sào ấn định, rồi sau châm thước bàn định thuế khóa mới có chuẩn. Nếu vì mới qua khỏi sự biến, chưa thể vội làm thì đợi đến bao giờ mới làm được? Ruộng không đo đạc ngay thì lấy đâu làm chuẩn mà định thuế lệ và giữ cho nhiều ít được quân bình (12). Và xác định rõ, đặc điền cốt yếu để định ra ranh giới, đơn vị đo đạc được thống nhất, sau đó mới có căn cứ để định thuế lệ trên diện tích đất thực lãnh trưng. Vấn đề thực hiện triển khai đặc điền, được Minh Mệnh ban chỉ dụ: truyền chỉ cho đốc, phủ, bố, án ở các tỉnh thuộc hạt phải lấy sổ ruộng mới đặc điền làm chuẩn đích, lập rõ giới hạn, hoặc dùng nêu gỗ, hoặc chôn mốc đá ghi dấu rõ ràng, để trong chỗ làng mạc cứ theo đấy, cùng sống yên ổn (13). Trên cơ sở đặc điền, các làng lập địa bạ, ghi chi tiết từng thửa ruộng, mảnh ruộng với diện tích bao nhiêu mẫu sào, thước, tấc, tọa lạc tại đâu, giáp giới tứ chi thế nào, thuộc quyền sở hữu của ai, vì đâu mà có, trồng loại cây gì, làm nhà, để mô tả hay hoang phế. Ruộng lúa thì thuộc đẳng điền nào (14). Từ đây, xác định số đinh, xác định diện tích canh tác để triều đình thu thuế, lấy đinh xung lính cho quân đội. Điều này, được ban hành ở văn bản (tập 73, tờ 150, ngày 10 tháng 11 năm Minh Mệnh 19):

明命拾玖年拾壹月初拾日
 户部奏本年玖月日接機密院大臣張登桂轉傳臣部密咨南圻各省察訪在轄寔徵田土果皆盡力耕耘抑有荒廢及應徵稅例有無掛欠據實咨部等因臣部奉已密咨該各省遵辦昨接嘉定定祥二省節次咨覆臣部奉已各將原咨呈覽茲接安江續行報到輒敢聲叙並將原咨進呈
 臣陳文愿奉草臣何維藩臣尹蘊臣潘清簡奉閱

Dịch nghĩa:

Ngày mồng 10 tháng 11 năm Minh Mệnh thứ 19.

Bộ Hộ tâu: Ngày tháng chín năm nay, nhận chuyển truyền của Cơ mật miện đại thần Trương Đăng Quế, chúng thần ở bộ đã mật tư cho các tỉnh ở Nam Kỳ xem xét thực tế việc trưng thu ruộng đất tại địa hạt của mình, quả là đều ra sức cày bừa, hạn chế được sự hoang phế, làm đúng theo quy định về thu thuế, không có thiếu sót, đúng như tư của bộ. Do đó chúng thần ở bộ đã phụng mệnh mật tư cho các tỉnh ấy tuân theo mà làm. Hôm trước lần lượt nhận tư phúc của hai tỉnh Gia Định, Định Tường, chúng thần ở bộ kính đem nguyên các tư đó trình (nhà vua) ngự lãm. Nay An Giang lại báo tin đến tiếp, (chúng thần) liền trình bày và đem nguyên tờ tư dâng trình lên.

Thần Trần Văn Nguyễn vâng mệnh soạn thảo. Chúng thần Hà Thanh Phiên, Doãn Uẩn, Phan Thanh Giản vâng mệnh đọc duyệt.

Công việc đặc điền ở Nam Kỳ là việc đại sự của quốc gia, đảm bảo tính minh xác, khoa học, yên lòng dân, định thuế, vạch rõ cương vực, đảm bảo về kinh tế, xã hội. Công việc quan trọng ấy, phải là những người có trọng trách, am hiểu và rất giỏi trong tính toán mới có thể thực hiện thành công việc đặc điền. Khi vào Nam Kỳ, Thượng thư bộ Lại Nguyễn Kim Bảng tuổi cao sức yếu, không thể tiếp tục triển khai công việc, nên vua Minh Mệnh đã điều Trương Minh Giảng từ Trấn Tây về thay thế, vua dụ rằng: Việc đi kinh lý lần này, tuyển lính là để bảo vệ dân, đặc ruộng là để định cương giới, đều là chính sự lớn của nước, triều đình không phải lấy đó làm lợi. Nên đem ý này hiểu thị cho dân sở tại. Là trọng thần của nhà nước, mọi việc làm nên vừa phải, không dễ dãi mà cũng không mạnh quá. Việc kinh lược Nam Kỳ lần này không phải chỉ được uỷ cho hai việc ấy thôi đâu, mà trong sáu tỉnh Nam Kỳ, phạm vi lợi nên làm, việc hại nên bỏ, đều

châm chước làm cho ổn thoả và tốt. Đến như nhân dân nếu có điều gì uất ức, thì nên làm tới nơi tới chốn mà gỡ oan cho người ta để đức ý nhà vua thông suốt tận người dân và tình dân được thấu lên trên. Thế mới không phụ lòng.

Việc đặc điền toàn Nam Kỳ được thực hiện trong 5 tháng, kết quả bước đầu được báo cáo như sau: “đến tháng 7 việc đo đạc lại ruộng đất sáu tỉnh Nam Kỳ hoàn thành, đoàn kinh lý trở về kinh phụng mệnh, riêng Trương Minh Giảng trở lại trấn Tây. Kết quả, toàn bộ đất đai Nam Kỳ trước đây gồm 20.197 sở, 13 dây, 8 khoảnh và hơn 3.464 mẫu, nay đo đạc lại thành các hạng ruộng đất gồm 630.075 mẫu (ngoài ra, trước nguyên có ruộng 65 sở nay khám thành 1.017 cái ao)” (15). Như vậy, trong 5 tháng đoàn kinh lược đã thực hiện xong công cuộc đặc điền 06 tỉnh Nam Kỳ với diện tích 630.075 mẫu, có ranh giới, và từng loại đất cụ thể.

2.3. Thành tựu của công cuộc đặc điền và vai trò của Trương Đăng Quế

Công cuộc đặc điền ở Nam Kỳ (1836) có tác động tích cực tới tình hình kinh tế, xã hội, chính trị, quân sự. Là một sự chuyển biến mạnh mẽ trong công tác quản lý đất đai, cụ thể là thống kê được số lượng đất trên toàn quốc, thống nhất đơn vị đo lường, làm rõ đất đai ở Nam Kỳ trong công cuộc khẩn hoang, mở cõi từ thời chúa Nguyễn đến năm 1836, không còn ẩn lậu. Trước khi triển khai công cuộc đặc điền, Kinh lược sứ Nam Kỳ Trương Đăng Quế tâu rằng: Nam Kỳ đất chứa tệ hại đã lâu, cường hào cậy mạnh, bá chiếm, người nghèo không có đất cày cấy. Có kẻ biệt xã chiếm ruộng đất xã khác, mà người ở xã sở tại lại phải tá ngụ để cày cấy và ở. Có nơi ruộng một thửa, tô thuế nguyên trưng không quá 3, 4 hộ, nay đã chia làm 6, 7 thửa bán cho người khác, mà các người mua ấy đều phải nộp thóc gấp bội cho chủ ruộng trưng thu riêng, lại còn

nhiều nổi sách nhiễu không kể xiết (16). Tuy nhiên, sau việc đạc điền thì nhiều điều lợi cho người dân “nay khám đạc lại thì mọi người cứ chiếu phần mình cày cấy mà nộp thuế không còn bị cường hào ức hiếp nữa. Đất để hoang dân ra sức khai khẩn thì được chia lợi. Cho nên người thích muốn đo đạc thì nhiều. Thế thì việc đạc điền cũng là việc người dân muốn làm, chứ không phải là việc làm khổ dân” (17). Bước đầu, kết quả của công cuộc đạc điền là yên dân, ổn định trật tự xã hội, người nghèo có ruộng, có đất canh tác. Đây là một nỗ lực lớn của triều Nguyễn nhằm gia tăng quyền lực ở vùng đất Nam Kỳ, với mục tiêu mang điều lợi cho dân.

Sau khi kết thúc công cuộc đạc điền vào tháng 7 năm 1936, các đại thần Kinh lược sứ Trương Đăng Quế, Trương Minh Giảng, Tôn Thất Bách, Nguyễn Đức Trí đã làm một tấu trình, với 14 điều về việc điều chỉnh, quy hoạch, các loại đất ở Nam Kỳ sau đạc điền. Nội dung 14 điều này ghi rất rõ về phân loại đất, phân định thuế, sắp xếp đất công - tư, định lại vị trí của các ruộng đất. Cụ thể: 1) Trước trong sổ nộp thuế là ruộng, nay khám đạc là thổ; trước trong sổ nộp thuế là thổ, nay khám đạc là ruộng; trước là hoang vu, nay thực cày cấy; trước để hoang nay lại cày, chưa kịp khai đơn nộp thuế, đều theo thực sự, khai vào các hạng. Gián hoặc trước trong sổ là ruộng thực canh, mà nay khám ra toàn trồng dâu, mía và cau, cũng có một hai phần tách ra, thì cũng theo thực sự, cũng khai vào các hạng thổ đánh thuế; 2). Các hạng ruộng đất nộp thuế trước, gián hoặc có chỗ xây dựng miếu mạo, đền, chùa và nơi để mồ mả thì tách ra, liệt vào hạng riêng; còn thì căn cứ vào sổ thực canh, chiếu đạc biên vào sổ; 3). Những đất dân cư, chỗ nào là hoang và gò đồng, trong sổ không ghi người nào trước đã nộp thuế thì liệt làm hạng đất dân cư, miễn thuế; nếu có chủ khai nhận, thì cho dân đánh giá, nộp thuế theo hạng đất công; 4). Trong sổ trước là thực trưng, nay khám

ra còn một, hai chỗ hoang vu thì căn cứ vào ruộng thực canh, đã đạc thành mẫu, thành sào, trước bạ; còn thì liệt vào hạng lưu hoang, đều do quan địa phương, sức dân khai khẩn cày cấy thành ruộng, cho làm hạng công điền bất nộp thuế; 5). Các hạng ruộng đất của các xã thôn trước đã nộp thuế, có lệ thuế trong điền bạ ở thôn này, mà ruộng đất tọa lạc ở tỉnh khác, nay cho trả về sổ địa bạ của tỉnh mà ruộng đất đã tọa lạc ở đó; 6). Ruộng đất thực canh, ở trong sổ khai là cả thôn ấy cùng cày cấy, thì cho là hạng ruộng đất công. Gián hoặc có những chủ ruộng trốn đi hoặc chết, mà không có con cái thì giao cho dân sở tại cày cấy, nộp thuế theo hạng ruộng đất công; 7). Ở ngoài phụ quách thành Phiên An cũ, trừ ra những nơi đặt làm mới Gia Định và những chỗ để làm quan xá, quân trại, thủy trường, còn thì đạc được hơn 440 mẫu, cho dân phụ cận lập sổ địa bạ, nộp thuế theo hạng công thổ; 8). Một thửa đất thành cũ Định Tường trước đạc hơn 40 mẫu, cho dân sở tại khai khẩn, cày cấy, nộp theo hạng công thổ; 9). Ở Gia Định có 3 thửa ruộng bỏ hoang, trước cấp cho đội An Lương khai khẩn cày cấy đã thành ruộng được hơn 14 mẫu, cho dân nhận lĩnh canh tác, nộp thuế theo hạng ruộng công; 10). Ở Hà Tiên có 3 thửa ruộng quan điền, trước không phải nộp thuế, cấp cho cơ Hà Tiên cày cấy, nay đạc thành ruộng được 75 mẫu vẫn để cho lính cơ, nộp thuế theo hạng quan điền; 11). Ở Định Tường, trước kia Tôn Thất Chương để lại 2 thửa ruộng cỏ, từ trước vẫn cho người tá canh nửa vôi, các điền hộ chuyên tay nhau bán đi; nay khám ra là 50 thửa, mà dấu tích tá canh hãy còn rõ ràng thì có 6 thửa đạc được hơn 38 mẫu, vẫn giao cho chủ trước. Còn 44 thửa đạc thành hơn 359 mẫu, thì cho dân nhận lĩnh trước nộp thuế, liệt vào hạng ruộng công; 12). Nhân dân xã thôn nào trốn tránh tan tác, địa phận của họ không ai đứng nhận đo đạc thì sức cho tổng trưởng sở tại gọi những thôn

xã bên cạnh nhóm lại, tiếp nhận, khám đặc rồi căn cứ vào số ruộng đất, lập thành sổ địa bạ, cho người tá canh nộp thuế, đợi khi dân ấy về, lại cho nhận ruộng cày cấy và cư trú; 13). Thôn xã nào trước không có địa phận, lại không có ruộng đất nộp thuế ở đâu, duy có mua được 1, 2 thửa ruộng đất ở thôn khác để ngụ cư mà hiện có sổ dân và ngạch lính, thì cho tách lấy chỗ ruộng đất đã mua ấy làm địa phận, xây dựng địa bạ. Gián hoặc có 1, 2 xã thôn, trước không có địa phận, cũng không có ruộng đất đã mua và đóng thuế, mà chỉ ở nhờ ruộng đất xã khác, hiện nay đã thành làng xóm thì cũng cho xấn lấy số ruộng đã ở nhờ làm địa phận của mình. Nếu thôn xã nào tản mát, không thành thôn xóm, thì do quan địa phương xét xem trong hạt những nơi rừng rú, gò đồng bỏ hoang mà chưa thể cày cấy, cư trú được, thì cho họ lập ấp, làm sổ địa bạ để họ được an cư; 14). Các hạng ruộng đất, trước ở trong sổ, gián hoặc có chỗ trước bạ hai lần hoặc có chỗ bỏ hoang mà không rõ tọa lạc ở đâu, nay xét ra quả thực là đúng thì đều cho miễn trừ (18).

Có thể thấy 14 điều trên khái quát về tình hình đất đai ở Nam Kỳ trước đặc điền và sau đặc điền đưa ra các giải pháp nhằm điều chỉnh các vấn đề về các hạng đất thực canh, ghi chép vào địa bạ, xét hộ tịch ở các địa phương, phân chia rõ đất tư, đất công và nộp thuế theo từng hạng đất đã quy định... Xét đến cùng, công cuộc đặc điền là xác nhận các chủ của từng loại đất và được ghi chép bằng địa bạ, có giá trị pháp lý cao nhất.

Kết quả của công cuộc đặc điền là cơ sở cho việc hình thành hàng chục ngàn địa bạ ở Nam Kỳ. Theo ước tính: nếu xếp đứng các sổ địa bạ sát chặt nhau thì phải để trên ngăn kệ dài 100m. Nếu trải dài từng tờ sát nhau thì toàn bộ sưu tập dài gần 300km. Công cuộc đặc điền cho 18.000 thôn trên toàn quốc được thực hiện trong 31 năm từ năm 1805-1836 mới hoàn thành. Qua địa bạ hiểu được cơ cấu đất đai trên toàn quốc cũng như mỗi

địa phương, có thể tính được tỉ lệ giữa diện tích cư trú với diện tích canh tác và mộ địa. Đồng thời, biết rõ diện tích quan điền quan thổ, công điền công thổ, tư điền tư thổ (19). Ngoài ra, công cuộc đặc điền được đánh giá là một công tác hết sức phức tạp và vĩ đại, một công tác mà thực dân Pháp sau này phải thán phục. Họ cho rằng chỉ có những nước có trình độ văn minh cao mới thực hiện được công trình đặc điền kinh lý chính xác như vậy, và các địa bạ 1836 đó vẫn có giá trị pháp lý và làm căn cứ cho các công cuộc kinh lý trắc địa sau này (20).

Thành công của công cuộc đặc điền có vai trò rất lớn của Trương Đăng Quế. Khi hoàn thành công việc trở về kinh thành, vua Minh Mệnh trực tiếp nghênh đón và tổ chức yến tiệc, vua dụ rằng: Kinh lược đại thần Trương Đăng Quế khâm mạng đi vào Nam Kỳ đo đạc ruộng đất, biết giữ công bằng ngay thẳng, vô tư, hoàn thành được công việc, không làm nhục mệnh vua, dẫu không so sánh được với người đi đánh dẹp ở cương trường, người mở rộng đất đai bờ cõi, nhưng lần đầu kinh lý, làm cho cương giới được phân minh, nhân dân sáu tỉnh đều được lợi ích vui vẻ. Và lại xếp đặt phủ Tây Ninh, khiến cho dân ẩn lậu đều trở thành làng, áp tất cả. Như vậy không khác gì những người có công mở mang đất đai bờ cõi, thực rất đáng khen. Vậy thưởng cho: 1 con cá bằng vàng, 1 thẻ bài bằng ngọc, 1 cái chén có nắp bằng ngọc bịt vàng, 1 quả chanh bằng vàng. Công lao của Trương Minh Giảng cũng ngang với Trương Đăng Quế, cũng thưởng như nhau (21). Có thể thấy, Trương Đăng Quế có vai trò chủ đạo trong công cuộc đặc điền, đem lại nhiều lợi ích cho nhân dân, dân tộc. Làm ổn định cương vực, phân định đất đai, có giá trị đến ngày nay.

3. Nhận xét

Trương Đăng Quế là đại thần triều Nguyễn, trong cuộc đời làm quan có nhiều đóng góp to lớn đối với triều chính, giữ

nhiều chức vụ trọng trách trong triều đình. Ở lĩnh vực sáng tác, ông được đánh giá ngang hàng với các nhà thơ lớn đương thời, bởi lời thơ dung dị, mộc mạc nhưng chất chứa nỗi lòng với nước, với dân. Với công cuộc đặc điền đã tác động tích cực trên các phương diện kinh tế, xã hội, văn hóa, quân sự ở Nam Kỳ nói riêng và cả nước nói chung. Quan điểm, mục tiêu, phương pháp thực hiện và thành tựu của công cuộc đặc điền được triển khai một cách quy mô, khoa học và hiệu quả cao,

có vai trò quan trọng trong việc hoạch định, sắp xếp, tổ chức, quản lý đất đai trên toàn Nam Kỳ. Từ công cuộc đặc điền đã định rõ được cương vực, củng cố quyền lực của triều đình, đặc biệt khẳng định chủ quyền quốc gia một cách vững chắc ở vùng đất Nam Bộ. Và công cuộc đặc điền ở Nam Kỳ theo chỉ dụ của Minh Mệnh: bờ cõi đã đứng, kẻ giàu không được bá chiếm, người nghèo đều có tư sản, mà thuế khoá lại khoan giảm, dân được chịu ơn rất nhiều (22).

CHÚ THÍCH

(1). Trương Quang Cầm, *Thái sư, Tuy Thạnh quận công Trương Đăng Quế (1793-1865) đời người, đời thơ*. Nxb. Văn học, 2010, tr:9

(2). Hoàng Ngọc Cương (biên soạn, biên dịch), *Tuyển tập thơ văn Trương Đăng Quế*. Nxb. Đại học Sư phạm Hà Nội, 2018, tr.352-353.

(3), (6), (7). Dẫn theo Nguyễn Đình Đầu, *Chế độ công điền công thổ trong lịch sử khẩn hoang lập ấp ở Nam Kỳ lục tỉnh*. Nxb. Trẻ, 1999, tr. 98, 102, 104.

(4). Vũ Huy Phúc. *Tìm hiểu chế độ ruộng đất Việt Nam nửa đầu thế kỷ XIX*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1979, tr.128.

(5), (9). Nguyễn Quang Ngọc (chủ biên), *Vùng đất Nam Bộ từ đầu thế kỷ XVII đến giữa thế kỷ XIX*. Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2017.

(8), (12), (13), (16), (17), (18), (21), (22). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục, tập 4*. Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2007, tr. 878, 902, 915-916, 903, 915, 984-985, 955, 1034.

(13), (14), (20). Dẫn theo Nguyễn Đình Đầu, *Chế độ công điền công thổ trong lịch sử khẩn hoang lập ấp ở Nam Kỳ lục tỉnh*. Nxb. Trẻ, 1999, tr. 109-101, 105.

(15). Nguyễn Quang Ngọc (chủ biên), *Vùng đất Nam Bộ từ đầu thế kỷ XVII đến giữa thế kỷ XIX*, sđd, tr. 292.

(19). Nguyễn Đình Đầu, *Nghiên cứu địa bạ triều Nguyễn Gia Định (Tp. Hồ Chí Minh, Tây Ninh, Long An)*. Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1994, tr. 9.